TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 08 - 9 - 2017.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Truyền.

Ông Nguyễn Văn Diệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2017/TLST - HNGĐ, ngày 04/5/2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2017/QĐXXST - HNGĐ, ngày 07/8/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mộng T, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Võ Quốc C, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 04/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Mộng T trình bày: Chị và anh Võ Quốc C kết hôn do quen biết, cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre ngày 05/3/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc khoảng năm tháng thì phát sinh mâu thuẫn do anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng không hòa hợp, anh C không quan tâm đến vợ con, đã ly thân cách nay khoảng năm năm. Nay chị xin ly hôn với anh C. Trong quá trình chung sống anh chị có một con chung tên Võ Trúc G, sinh ngày 24/11/2011 hiện đang sống chung với gia đình chị, khi ly hôn chị xin nuôi

con không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn anh Võ Quốc C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có lời trình bày hay ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành pháp luật tốt, bị đơn chưa chấp hành pháp luật, vắng mặt trong các lần Tòa án mời giải quyết vụ án. Về nội dung: đề nghị áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Lê Thị Mộng T được ly hôn với anh Võ Quốc C; về con chung chị T trực tiếp nuôi cháu Võ Trúc G, sinh ngày 24/11/2011, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu; tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Võ Quốc C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Mộng T và anh Võ Quốc C thấy rằng anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre ngày 05/3/2011. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn theo chị T trình bày thì anh chị sống hạnh phúc khoảng năm tháng thì phát sinh mâu thuẫn do anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng không hòa hợp, anh C không quan tâm đến vợ con. Tại phiên tòa chị T cương quyết xin ly hôn với anh C. Đối với anh C trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mời anh đến Tòa án để tham gia hòa giải với chị T, mục đích là để cho anh chị bàn bạc, tháo gỡ những bất đồng mâu thuẫn, tìm giải pháp để vợ chồng hàn gắn nhưng anh C không tham gia hòa giải, điều đó chứng tỏ anh có biểu hiện bỏ mặc, không quan tâm hàn gắn tình cảm vợ chồng, thời gian anh C và chị T sống ly thân cũng không có gặp gỡ để hàn gắn đoàn tụ, tại biên bản xác minh ngày 06/6/2017 thì bà Nguyễn Thị L là mẹ ruột anh C trình bày theo bà được biết thì giữa chị T và anh C không muốn sống chung với nhau nữa. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị T được ly hôn với anh C là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có một con chung tên Võ Trúc G, sinh ngày 24/11/2011 hiện đang sống chung với gia đình chị T, khi ly hôn chị T xin nuôi con không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng. Xét thấy từ khi thụ lý vụ án đến nay anh C không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc nuôi con chung, để bảo đảm cho sự ổn định trong cuộc sống của cháu G cần để cho chị T tiếp tục nuôi con là phù hợp, do chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh C.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, đối với anh C không có ý kiến hay yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định anh chị có tài sản chung, nợ chung không nên không xem xét giải quyết, nếu sau này có yêu cầu giải quyết thì những người có quyền, lợi ích liên quan có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Chị Lê Thị Mộng T phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Mộng T.

Chị Lê Thị Mộng T được ly hôn với anh Võ Quốc C.

[2] Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Mộng T trực tiếp nuôi cháu Võ Trúc G, sinh ngày 24/11/2011 hiện đang sống chung với gia đình chị T, anh Võ Quốc C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Án phí ly hôn chị Lê Thị Mộng T phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx ngày 04/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre (ĐKKH số xx/2011, quyển số xx/2011 ngày 05/3/2011) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: HS, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thiện